

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH
21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Gò Vấp, Tp.HCM

MỤC LỤC

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 24572
	Giờ..... Ngày 24 tháng 7 năm 11

NỘI DUNGTRANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 - 2

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

3

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

4

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5 - 12

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH
21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp.HCM

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đvt: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/06/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		138.165.378.452	99.583.965.347
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	54.851.753.275	46.389.923.510
1. Tiền	111		11.671.053.275	4.089.923.510
2. Các khoản tương đương tiền	112		43.180.700.000	42.300.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.748.071.775	15.569.930.783
1. Phải thu của khách hàng	131		14.249.064.438	13.083.530.695
2. Trả trước cho người bán	132		2.302.692.261	2.233.779.553
3. Các khoản phải thu khác	135		196.315.076	252.620.535
III. Hàng tồn kho	140	5	59.899.843.191	34.045.683.866
1. Hàng tồn kho	141		63.399.843.191	39.545.683.866
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.500.000.000)	(5.500.000.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.665.710.211	3.578.427.188
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.039.541.287	825.956.200
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.742.857.445	1.475.209.676
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.883.311.479	1.277.261.312
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.198.157.760	93.137.316.745
I. Tài sản cố định	220		88.226.128.454	92.028.572.825
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	38.674.168.765	40.259.446.298
- Nguyên giá	222		71.777.300.155	72.994.860.506
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.103.131.390)	(32.735.414.208)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	8.970.801.252	8.812.965.438
- Nguyên giá	228		11.065.503.913	10.790.607.913
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.094.702.661)	(1.977.642.475)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	40.581.158.437	42.956.161.089
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		972.029.306	1.108.743.920
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		483.158.845	619.873.459
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		371.870.461	371.870.461
3. Tài sản dài hạn khác	268		117.000.000	117.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		227.363.536.212	192.721.282.092

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THANH
21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp.HCM

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011
Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/03/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		78.673.668.938	53.107.837.727
I. Nợ ngắn hạn	310		71.773.799.642	46.468.887.207
1. Vay ngắn hạn và nợ ngắn hạn	311	9	39.448.804.880	22.426.602.967
2. Phải trả người bán	312		9.809.569.013	4.542.849.891
3. Người mua trả tiền trước	313		7.702.555.222	1.917.506.390
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	10	2.832.430.807	1.653.255.178
5. Phải trả công nhân viên	315		1.435.641.101	2.746.128.001
6. Chi phí phải trả	316		4.257.730.278	7.333.951.075
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		1.123.627.748	1.266.657.228
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		5.163.440.593	4.581.936.477
II. Nợ dài hạn	330		6.899.869.296	6.638.950.520
1. Phải trả dài hạn khác	333		439.810.660	60.400.000
2. Vay và nợ dài hạn	334			
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.431.480.667	1.500.303.375
4. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	
4. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		5.028.577.969	5.078.247.145
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		148.689.867.274	139.613.444.365
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	148.689.867.274	139.613.444.365
1. Vốn cổ phần	411		103.723.650.000	103.723.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.856.593.370	2.856.593.370
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	416		1.091.572.359	
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.654.734.551	5.634.889.243
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.947.865.331	4.928.020.023
5. Cổ phiếu quỹ	419			
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		28.415.451.663	22.470.291.729
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		227.363.536.212	192.721.282.092

Lê Hải Liên

Tổng giám đốc

Ngày 22 tháng 07 năm 2011

Nguyễn Thị Hương Huyền
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH
21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp.HCM

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số TM	Quý 2/2011	Quý 2/2010	6 tháng đầu năm 2011	6 tháng đầu năm 2010 (đã kiểm toán)
1. Doanh thu bán hàng	01	50.228.198.289	37.162.010.804	90.780.370.044	69.261.391.735
2. Các khoản giảm trừ	02	113.852.441	311.355.019	444.850.626	758.601.022
3. Doanh thu thuần từ bán hàng	10	50.114.345.848	36.850.655.785	90.335.519.418	68.502.790.713
4. Giá vốn hàng bán	11	30.319.818.675	23.242.092.210	55.192.501.109	42.517.316.825
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng	20	19.794.527.173	13.608.563.575	35.143.018.309	25.985.473.888
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 12	1.199.494.968	771.103.469	2.737.832.309	2.526.811.700
7. Chi phí tài chính	22 13	341.240.251	1.905.218.894	1.153.813.619	3.120.297.865
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	172.541.735	370.501.121	961.100.111	891.644.848
8. Chi phí bán hàng	24	3.173.708.222	3.828.273.203	6.251.902.869	5.649.566.479
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3.678.039.506	3.321.226.911	6.487.884.186	6.278.701.563
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	13.801.034.162	5.324.948.036	23.987.249.944	13.463.719.681
11. Thu nhập khác	31 14	1.793.346.849	2.387.294.022	2.054.277.898	2.563.612.435
12. Chi phí khác	32 14	476.142.305	122.499.002	545.395.139	210.412.292
13. Lợi nhuận / (Lỗ) khác	40 14	1.317.204.544	2.264.795.020	1.508.882.759	2.353.200.143
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50	15.118.238.706	7.589.743.056	25.496.132.703	15.816.919.824
15. Thuế TNDN hiện hành	51 18	3.023.647.742	1.214.955.924	5.099.226.541	2.860.391.277
16. Thuế TNDN hoãn lại	52 18	-	250.430.674	-	250.430.674
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	12.094.590.964	6.124.356.458	20.396.906.162	12.706.097.873
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 19	1.166	590	1.966	1.225

Lê Hải Liễu

Tổng giám đốc

Ngày 20 tháng 04 năm 2011

Nguyễn Thị Hương Huyền

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH
21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp.HCM

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011
Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đvt: VND

CHỈ TIÊU	Từ 01/01/11 đến 30/06/2011	Từ 01/01/11 đến 30/06/2010 đã kiểm toán
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1 Lợi nhuận trước thuế 01	25,496,132,703	15,816,919,824
2 Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao TSCĐ 02	2,255,230,883	2,205,300,469
Các khoản dự phòng 03	(2,000,000,000)	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện 04	1,091,572,359	179,856,184
Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư 05	(2,185,947,232)	(1,253,942,844)
Chi phí lãi vay 06	961,100,111	891,644,848
3 Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn 08	25,618,088,824	17,839,778,481
Giảm các khoản phải thu 09	(3,087,830,802)	13,684,801,535
(Tăng)/ giảm hàng tồn kho 10	(23,856,215,676)	(10,006,699,826)
Tăng/(giảm) phải trả 11	4,456,422,680	1,131,498,121
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước 12	(76,870,473)	(388,988,025)
Tiền lãi vay đã trả 13	(961,100,111)	(871,544,463)
Thuế TNDN đã nộp 14	(3,515,489,317)	(3,931,652,008)
Thu khác cho hoạt động kinh doanh (từ QPL, PT) 15	42,060,000	8,400,000
Chi khác cho hoạt động kinh doanh (từ QPL, PT) 16	(2,000,000)	(1,793,107,160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh 20	(1,382,934,875)	15,672,486,655
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1 Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ 21	(1,700,459,699)	(1,038,589,935)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ 22	2,652,477,570	1,216,524,182
3 Tiền lãi vay ngân hàng 27	2,582,287,558	1,197,324,008
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư 30	3,534,305,429	1,375,258,255
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1 Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu 31		
2 của doanh nghiệp đã phát hành 32		
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được 33	47,459,781,376	12,935,353,232
4 Tiền chi trả nợ gốc vay 34	(30,437,579,463)	(48,149,884,124)
5 Tiền chi trả nợ thuế tài chính 35		
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu 36	(10,372,365,000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính 40	6,649,836,913	(35,214,530,892)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ 50	8,801,207,467	(18,166,785,982)
Tiền và tương đương tiền đầu quý 60	46,389,923,510	36,426,470,544
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ 61	(339,377,702)	(243,205,455)
Tiền và tương đương tiền cuối quý 70	54,851,753,275	18,016,479,107

Lê Hải Liễu

Nguyễn Thị Hương Huyền

Trang 4

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH
21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp. HCM

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000126 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 8 năm 2000, và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 1.032 người (ngày 31/12/2010: 1.012 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm đồ gỗ gia dụng, cán chổi, cán cờ, ván ghép và đồ chơi trẻ em bằng gỗ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay những khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH
21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp. HCM

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10-25
Máy móc và thiết bị	04-12
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị văn phòng	03-09

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH
21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp. HCM

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH
21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp.HCM

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011	31/12/2010
Tiền mặt	306.217.220	207.386.819
Tiền gửi ngân hàng	11.364.836.055	3.882.536.691
Các khoản tương đương tiền (*)	43.180.700.000	42.300.000.000
	54.851.753.275	46.389.923.510

(*) Các khoản tương đương tiền là số tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với thời hạn từ 1-2 tháng, lãi suất 14% năm

5. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011	31/12/2010
Nguyên liệu, vật liệu	44.582.360.021	26.242.619.891
Công cụ, dụng cụ	623.764.773	527.077.729
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.202.245.926	2.115.094.021
Thành phẩm	10.942.556.035	9.394.814.770
Hàng gửi đi bán	48.916.436	1.266.077.455
	63.399.843.191	39.545.683.866
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.500.000.000)	(5.500.000.000)
	59.899.843.191	34.045.683.866

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	33.183.943.746	35.502.645.642	2.483.140.782	1.825.130.336	72.994.860.506
Tăng trong năm	88.522.727	210.821.395	700.704.546	105.516.491	1.105.565.159
Chuyển từ chi phí XDCB dở dang					
Thanh lý		2.276.911.110		46.214.400	2.323.125.510
Tại ngày 31/03/2011	33.272.466.473	33.436.555.927	3.183.845.328	1.884.432.427	71.777.300.155
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	7.875.512.316	22.637.717.095	673.492.554	1.548.692.243	32.735.414.208
Khấu hao trong kỳ	677.364.705	1.266.347.439	167.629.374	76.498.355	2.187.839.873
Thanh lý		1.781.610.671		38.512.020	1.820.122.691
Tại ngày 30/06/2011	8.552.877.021	22.122.453.863	841.121.928	1.586.678.578	33.103.131.390
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2011	25.308.431.430	12.864.928.547	1.809.648.228	276.438.093	40.259.446.298
Tại ngày 30/06/2011	24.719.589.452	11.314.102.064	2.342.723.400	297.753.849	38.674.168.765

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 14.446.438.847 đồng

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	10.623.823.333	166.784.580	10.790.607.913
Tăng trong năm		274.896.000	274.896.000
Chuyển từ chi phí XDCB dở dang			
Thanh lý			
Tại ngày 30/06/2011	10.623.823.333	441.680.580	11.065.503.913

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp.HCM

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2011	1.856.343.274	121.299.201	1.977.642.475
Khấu hao trong kỳ	-	117.060.186	117.060.186
Thanh lý			-
Tại ngày 30/06/2011	1.856.343.274	238.359.387	2.094.702.661
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2011	8.767.480.059	45.485.379	8.812.965.438
Tại ngày 30/06/2011	8.767.480.059	203.321.193	8.970.801.252

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 9, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng lô đất tại số 21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp.HCM để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn từ Vietcombank - CN Tân Bình

Giá trị còn lại của quyền sử dụng đất tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 bao gồm:

- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại số 21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp.HCM với giá trị còn lại là 2.100.813.399 đồng (năm 2010: 2.100.813.399 đồng). Quyền sử dụng đất này không được tính khấu hao theo các quy định hiện hành.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn có giá trị còn lại là 6.583.333.326 đồng (năm 2010: 6.666.666.666 đồng) và được khấu hao trong suốt 45 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2005

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2011	31/12/2010
Tại ngày 01 tháng 01	42.956.161.089	45.930.077.830
Tăng		48.750.200
Thanh lý	(2.375.002.652)	(3.022.666.941)
Kết chuyển sang TSCĐ		
Kết chuyển sang chi phí trả trước		
Điều chỉnh khác		
Tại ngày 30 tháng 06 (*)	40.581.158.437	42.956.161.089

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cuối kỳ bao gồm chi phí xây dựng nhà máy Mỹ Phước, tỉnh Bình Dương là 40.581.158.437 đồng

9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011	31/12/2010
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB Tân Bình)		2.096.460.520
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB HCM)		9.983.712.729
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank)	3.514.050.000	10.346.429.718
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)	35.934.754.880	
	39.448.804.880	22.426.602.967

Khoản vay từ Eximbank thể hiện khoản vay tín chấp bằng ngoại tệ kỳ hạn 6 tháng tương đương 1,734,491 USD.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	31/12/2010
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		(5.052.256)
Thuế xuất nhập khẩu	70.999.746	43.087.375
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.761.431.061	1.177.693.837
Thuế thu nhập cá nhân		437.526.222
	2.832.430.807	1.653.255.178

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH
21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp.HCM
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỉ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 31/12/2010	103.723.650.000	2.856.593.370		5.634.889.243	4.928.020.023	22.470.291.729	139.613.444.365
Lợi nhuận trong kỳ						20.396.906.162	20.396.906.162
Trích các quỹ từ lợi nhuận				1.019.845.308	1.019.845.308	(4.079.381.228)	(2.039.690.612)
Chi trả cổ tức			1.091.572.359			(10.372.365.000)	(10.372.365.000)
Điều chỉnh khác						-	1.091.572.359
Tại ngày 31/03/2011	103.723.650.000	2.856.593.370	1.091.572.359	6.654.734.551	5.947.865.331	28.415.451.663	148.689.867.274

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp.HCM

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

Cổ phiếu	30/06/2011	30/06/2010
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	10.372.365	10.372.365
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	10.372.365	10.372.365
- Cổ phiếu thường	10.372.365	10.372.365
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu thường		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.372.365	10.372.365
- Cổ phiếu thường	10.372.365	10.372.365
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phiếu thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

	30/06/2011	30/06/2010
Giá trị cổ phiếu do bà Lê hải Liễu nắm giữ	38.854.240.000	38.854.240.000
Giá trị cổ phiếu do BI Private Equity New Markets K/S nắm giữ	9.800.000.000	9.800.000.000
Giá trị cổ phiếu do các cổ đông khác nắm giữ	55.069.410.000	55.069.410.000
	103.723.650.000	103.723.650.000

12. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/11 đến 30/06/2011	Từ 01/01/11 đến 30/06/2010 đã kiểm toán
Lãi tiền gửi	2.487.609.458	1.492.142.168
Chiết khấu thanh toán	52.259.117	31.753.100
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		290.121.708
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	197.963.734	712.794.724
	2.737.832.309	2.526.811.700

13. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/11 đến 30/06/2011	Từ 01/01/11 đến 30/06/2010 đã kiểm toán
Chi phí lãi vay	961.100.111	891.644.848
Chiết khấu thanh toán	19.816.688	77.144.151
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		469.463.952
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	172.896.820	1.682.044.914
	1.153.813.619	3.120.297.865

14. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/11 đến 30/06/2011	Từ 01/01/11 đến 30/06/2010 đã kiểm toán
Thu từ thanh lý tài sản cố định	229.256.363	281.818.182
Thu từ bán phế liệu		372.099.317
Các khoản thu nhập khác	1.825.021.535	1.909.694.936
Thu nhập khác	2.054.277.898	2.563.612.435
Giá trị còn lại của TSCĐ đã thanh lý	530.918.589	209.676.401
Chi phí khấu hao của TSCĐ không sử dụng	2.759.814	
Các khoản chi phí khác	11.716.736	735.891

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, Tp.HCM

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

Chi phí khác

545.395.139 210.412.292

Lợi nhuận/lỗ khác

1.508.882.759 2.353.200.143

15. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Lợi nhuận trước thuế****Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế**

Trừ: thu nhập không chịu thuế

Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ

Thu nhập chịu thuế

Thuế suất

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả

Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm

Chi phí thuế thu nhập hiện hành**Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Từ 01/01/11 đến 30/06/2011	Từ 01/01/11 đến 30/06/2010 đã kiểm toán
25.496.132.703	15.816.919.824

	(637.177.979)
	93.502.663
25.496.132.703	15.273.244.508
25%	25%
6.374.033.176	3.818.311.127
(1.274.806.635)	(957.919.850)
5.099.226.541	2.860.391.277

5.099.226.541 2.860.391.277

Quý 2 năm 2011 công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp miễn, giảm và sẽ tính lại số thuế này khi quyết toán.

16. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở số liệu sau:

Lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ 01/01/11 đến 30/06/2011	Từ 01/01/11 đến 30/06/2010 đã kiểm toán
20.396.906.162	12.706.097.873
20.396.906.162	12.706.097.873
10.372.365	10.372.365
1.966	1.225

17. GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN

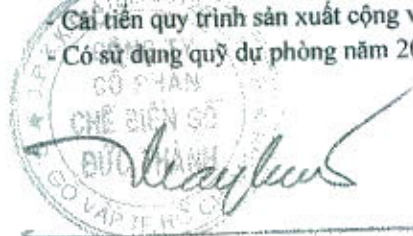
Chỉ tiêu	Quý 2 - 2011	Quý 2 - 2010	Tỷ lệ
Lợi nhuận sau thuế	12.094.590.964	6.124.356.458	97%
Tổng cộng	12.094.590.964	6.124.356.458	97%

Các nguyên nhân ảnh hưởng chính đến kết quả kinh doanh Quý 2 năm 2011:

- Đơn đặt hàng nhiều nên doanh thu tăng

- Cải tiến quy trình sản xuất cộng với cơ cấu mặt hàng thay đổi nên tiết kiệm được chi phí nguyên vật liệu

- Có sử dụng quỹ dự phòng năm 2010 nên chi phí giá vốn quý 2 năm 2011 giảm

**Lê Hải Liễu****Tổng giám đốc**

Ngày 22 tháng 07 năm 2011

Nguyễn Thị Hương Huyền
Kế toán trưởng